

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày: 14-4-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Định.
2. Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-TCDS ngày 08 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 3 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị O, sinh năm 1973.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Ngã Tư thôn Thượng, xã Minh Tân, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Trần Thế T, sinh năm 1976;

Chị Trương Thị Minh T1, sinh năm 1985;

Đều ĐKKHKT và cư trú: Tổ dân phố V1, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt chị Phạm Thị O; vắng mặt anh Trần Thế T và chị Trương Thị Minh T1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị O trình bày:

Tôi và anh T, chị T1 có quan hệ quen biết. Ngày 27 tháng 6 năm 2021, vợ chồng anh T và chị T1 có điện thoại nhờ tôi vay giúp số tiền là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng) để trả ngân hàng, rút lấy sổ đỏ về. Tôi đồng ý và đã vay giúp cho anh

T chị T1 số tiền là 280.000.000đ. Anh T và chị T1 vay với lãi suất 1%/tháng tương ứng 2.800.000đ/tháng; Thời gian vay là 01 tháng từ ngày 27-6-2021 đến 27-7-2021.

Đến thời hạn phải trả tiền gốc lãi thì anh T chị T1 không trả cho tôi. Nhiều lần tôi đã đến nhà thúc giục, nhắc nhở anh T chị T1 trả nợ cho tôi nhưng anh T chị T1 đều không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xem xét, giải quyết: Buộc anh T và chị T1 phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 280.000.000đ và tiền lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 27-6-2021 cho đến khi trả hết nợ gốc.

* Tại bản tự khai, phiên hòa giải, bị đơn anh Trần Thế T và chị Trương Thị Minh T1 trình bày:

Khoảng cuối năm 2019 thì do tôi rất cần tiền để trả tiền gỗ, nên tôi đã nhờ người liên hệ với chị O để hỏi vay chị ấy 50.000.000đ. Khi liên hệ được và được chị O đồng ý thì tôi đã đến nhà chị O lấy tiền. Thời điểm này tôi có ký giấy vay nợ với chị O số tiền 50.000.000đ với lãi suất 3%/tháng, tức là mỗi tháng tôi phải trả cho chị O tiền lãi là 1.500.000đ/tháng. Sau khi nhận được tiền thì tôi vẫn hẹn chị O đến cuối năm 2019 âm lịch trả cho chị ấy. Tuy nhiên, cuối năm 2019 tôi không có tiền nhưng vẫn tiếp tục trả cho chị O tiền lãi hàng tháng đều đặn nên chị O cũng không đòi tôi và tạo điều kiện cho tôi được tiếp tục được vay số tiền 50.000.000đ này. Đến đầu năm 2020 thì tôi tiếp tục hỏi vay của chị O số tiền 200.000.000đ, và chị O đã mang đến tận nhà tôi số tiền 200.000.000đ này cho tôi vay.

Như vậy, tổng số tiền tôi vay của chị O là 250.000.000đ và hàng tháng tôi phải trả cho chị O số tiền lãi là 13.000.000đ/tháng.

Tôi vẫn tiếp tục trả cho chị O số tiền lãi 13.000.000đ/tháng đến hết năm 2020 nhưng từ đầu năm 2021 đến nay, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, tôi không có khả năng trả nợ cho chị O nên tôi chưa trả cho chị O số tiền lãi và tiền gốc nào.

Đến ngày 27-6-2021, chị O có đến nhà tôi và yêu cầu vợ chồng tôi viết giấy biên nhận vay tiền. Chị O có nói với chúng tôi là kể từ ngày chúng tôi không trả lãi đến ngày 27-6-2021 thì chị O tính lãi cho chúng tôi là 30.000.000đ và cộng thêm tiền nợ gốc là 250.000.000đ nữa nên chúng tôi phải chịu nợ là 280.000.000đ. Tôi đồng ý và cả 2 vợ chồng tôi cùng viết giấy biên nhận vay tiền của chị O là 280.000.000đ kể từ ngày 27-6-2021, đến nay vợ chồng tôi không trả được cho chị O thêm khoản tiền lãi và tiền gốc nào. Nay, chị O khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải trả hết toàn bộ nợ gốc là 280.000.000đ và tiền lãi phát sinh thì anh xin được trả nợ dần hàng tháng. Về phần lãi suất: anh xin được trả lãi suất theo lãi suất 1%/tháng bắt đầu từ tháng 01 năm 2023 cho đến khi trả hết nợ gốc. Về phần nợ gốc: anh xin được trả dần hàng tháng số tiền 10.000.000đ/tháng + tiền lãi hàng tháng như đã nêu ở trên. Bắt đầu từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết chị O và vợ chồng anh T cùng thỏa thuận: Tính đến

ngày 27-6-2021 anh T, chị T1 còn nợ chị O số tiền gốc là 280.000.000đ với lãi suất là 1%/tháng; tính đến tháng 12-2022 thì anh T, chị T1 còn nợ chị O số tiền nợ lãi là 50.000.000đ. Tổng số nợ gốc và lãi là 330.000.000đ. Phương thức trả nợ:

Đến ngày 20-12-2022 âm lịch tức ngày 11-01-2023 dương lịch, anh T và chị T1 phải trả cho chị O số tiền lãi là 25.000.000đ còn 25.000.000đ tiền lãi còn lại thì chị O xóa phần nợ lãi này cho anh T, chị T1.

Trong trường hợp đến ngày 11-01-2023 dương lịch, anh T và chị T1 không trả được số tiền lãi 25.000.000đ cho chị O thì anh T và chị T1 phải trả đủ cho chị O số tiền lãi là 50.000.000đ.

Đối với khoản tiền nợ gốc 280.000.000đ: anh T và chị T1 phải trả tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng ($2.800.000/\text{tháng}/280.000.000\text{đ}$ tiền gốc) cho chị O bắt đầu từ tháng 01-2023 cho đến hết tháng 12-2023.

Từ tháng 01-2024, anh T và chị T1 phải trả dần hàng tháng cho chị O số tiền gốc 10.000.000đ/tháng + tiền lãi hàng tháng theo số dư nợ gốc còn lại cho đến khi trả hết nợ gốc.

Với thỏa thuận như đã nêu trên anh T, chị T1 không thực hiện. Vì vậy chị O đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và buộc anh T, chị T1 phải trả cho chị số tiền gốc là 280.000.000đ với lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 27-6-2021 cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa:

Chị Phạm Thị O không chấp nhận cho anh T, chị T1 trả dần mà yêu cầu anh T, chị T1 phải trả cho chị số tiền gốc là 280.000.000đ với lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 27-6-2021 cho đến ngày 27-3-2023; cụ thể: $280.000.000\text{đ} \times 1\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} = 58.800.000\text{đ}$. Còn tiền lãi từ ngày 27-3-2023 cho đến ngày 14-4-2023, chị O không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng; của Hội đồng xét xử, đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị O. Buộc anh Trần Thế T và chị Trương Thị Minh T1 phải trả cho chị O số tiền nợ gốc là 280.000.000đ và tính lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 27-6-2021 cho đến ngày 27-3-2023.

- Về án phí: Anh Trần Thế T và chị Trương Thị Minh T1 phải nộp theo quy định của pháp luật. Trả lại chị O số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bị đơn anh Trần Thế T và chị Trương Thị Minh T1, đều cư trú tại tổ dân phố V1, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Thế T và chị Trương Thị Minh T1 đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật; nhưng anh T và chị T1 không chấp hành. Tại phiên tòa anh T và chị T1 vắng mặt; vì vậy hội đồng căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị T1.

[2] Quan hệ tranh chấp: Giữa chị Phạm Thị O và vợ chồng anh Trần Thế T, chị Trương Thị Minh T1 có phát sinh giao dịch vay tài sản trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, Giao dịch vay nợ tài sản không vi phạm pháp luật.

Trong quá trình giải quyết chị O và vợ chồng anh T, chị T1 đã thỏa thuận được với nhau, nhưng anh T, chị T1 đã không thực hiện theo thỏa thuận.

Vì vậy yêu cầu khởi kiện của chị O được chấp nhận và buộc vợ chồng anh T, chị T1 phải trả nợ cho chị O số tiền gốc là 280.000.000đ, lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 27-6-2021 cho đến ngày 27-3-2023 là 21 tháng (Cụ thể tiền lãi tính như sau: 280.000.000đ x 1%/tháng x 21 tháng = 58.800.000đ).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trần Thế T và chị Trương Thị Minh T1 liên đới phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; chị Phạm Thị O không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị O.

2. Buộc anh Trần Thế T và chị Trương Thị Minh T1 phải trả cho chị Phạm Thị O tổng số tiền 338.800.000đ (Ba trăm ba tám triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 280.000.000đ và tiền lãi 58.800.000đ (Tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 27-6-2021 cho đến ngày 27-3-2023 là 21 tháng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Thế T và chị Trương Thị Minh T1 liên đới phải nộp 16.940.000đ (Mười sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Trả lại chị Phạm Thị O số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001554 ngày 08-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định.

Chị Phạm Thị O được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thế T và chị Trương Thị Minh T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V, tỉnh Nam Định;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Trường Nam

